

# PHÁT TRIỂN TRI THỨC, CÔNG NGHỆ VÀ TÀI SẢN TRÍ TUỆ ĐỂ NÂNG CAO KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP THỦ ĐÔ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

TS Hoàng Đình Phi\*

## 1. Phát triển tri thức, công nghệ và tài sản trí tuệ thành các năng lực công nghệ cho doanh nghiệp Thủ đô Hà Nội

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, để tồn tại và phát triển lâu dài các doanh nghiệp đều phải cạnh tranh bằng các nguồn lực và năng lực cốt lõi, đặc biệt là các năng lực tri thức, công nghệ, tài sản trí tuệ. Xem kỹ các nhóm chỉ số đánh giá khả năng cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) (1) hoặc các đánh giá của các học giả hàng đầu thế giới (2) có thể kết luận rằng rất khó cho Việt Nam thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình nếu chỉ tăng trưởng kinh tế dựa vào lợi thế địa lý, tài nguyên thiên nhiên, nguồn vốn vay ưu đãi, lao động rẻ, và nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI)... Như vậy, không có cách nào khác là Việt Nam và Hà Nội phải chú trọng tới việc phát triển các doanh nghiệp và các ngành kinh tế dựa vào tri thức (knowledge-based economic branches & firms) trong đó các yếu tố tri thức, công nghệ và tài sản trí tuệ đóng vai trò quyết định sự thành công.

### 1.1. Tri thức, công nghệ, tài sản trí tuệ và năng lực công nghệ

Đa số các học giả trên thế giới cho rằng thông tin không thể trở thành tri thức nếu chưa được xử lý qua bộ não con người và được trải nghiệm trên thực tế để tạo ra những cái mới. Như vậy, có thể coi tri thức là thông tin mới mang tính khoa học, được mã hoá và có thể phổ biến bằng các loại ngôn ngữ (explicit) theo các bài báo khoa học, bản vẽ, thiết kế, công thức tính toán, bản quyền... khác hoàn toàn với tri thức ở dạng giấu kín (tacit) trong mỗi cá nhân, khó giải mã để trao đổi và sử dụng.

---

\* Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.



Hình 1.1: Phương trình công nghệ

Nguồn: IGEL BARBARA. 2000.

Công nghệ là sự kết hợp hài hoà giữa ba yếu tố là máy móc (phần cứng), tri thức khoa học (phần mềm) và kỹ năng liên quan (phần mềm) để sản xuất ra một sản phẩm hay cung ứng một dịch vụ trên thị trường. Xét về chất lượng, có công nghệ thấp, công nghệ tiêu chuẩn công nghiệp (trung bình), công nghệ hiện đại, công nghệ cao, công nghệ mới. Theo quy trình sản xuất và chuỗi giá trị hàng hoá, công nghệ phân chia thành các nhóm: công nghệ thiết kế, công nghệ gia công (sản xuất, chế biến), và công nghệ dịch vụ. Mức độ quan trọng và tỷ lệ đóng góp của các yếu tố cấu thành trong mỗi công nghệ rất khác nhau, song về cơ bản 2 nhóm yếu tố phần mềm (tri thức, kỹ năng) thường quyết định thành công và giá trị của mỗi công nghệ. Xét theo phương trình công nghệ, nguồn lực tri thức và tài sản trí tuệ là các tài sản vô hình đã hoà vào nguồn lực công nghệ. Công nghệ tồn tại với tư cách là một loại tài sản vô hình, hữu hình hoặc kết hợp cả 2 dạng. Khi một doanh nghiệp có khả năng mua, tiếp thu hay sáng tạo rồi sử dụng công nghệ thì chính là lúc doanh nghiệp đã có được các năng lực công nghệ ở một mức độ nhất định. Như vậy, năng lực công nghệ chính là việc sở hữu, bảo vệ, sử dụng, phát triển liên tục các nguồn lực thành các năng lực công nghệ cần thiết phục vụ cho mục tiêu cạnh tranh. Các năng lực công nghệ của doanh nghiệp thường chia làm 5 nhóm với 20 chỉ số đánh giá khác nhau (Tham khảo bảng 1.1) (3).

**CÔNG NGHỆ**  
**TECHNOLOGY**  
**MÁY MÓC**  
**ARTERFACT**

Tài sản trí tuệ (intellectual property) bao gồm 3 loại: Bản quyền (copyright) các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; Quyền sở hữu công nghiệp (industrial property right) đối với các patent, thiết kế công nghiệp, nhãn hiệu, bí quyết, bí mật thương mại...; Quyền sở hữu giống cây trồng (plant property right). Quyền sở hữu tài sản trí tuệ (IPR) được xác định trên cơ sở pháp luật và theo đăng ký của doanh nghiệp được chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (Cục Sở hữu Công nghiệp, Cục Bản quyền Tác giả, Cục Trồng trọt).

Tri thức và tài sản trí tuệ thường được phát triển và sử dụng để kết hợp với các yếu tố phần cứng trở thành một công nghệ hay một hệ thống công nghệ trong doanh nghiệp. Thông thường doanh nghiệp bảo vệ quyền sở hữu tài sản trí tuệ bằng việc đăng ký bảo hộ cả công nghệ hay các thành phần tri thức trong công nghệ như patent, thiết kế, nhãn hiệu, bí quyết ở cấp độ quốc gia khi cạnh tranh nội địa và cấp độ quốc tế thông qua các hiệp ước TRIPS, MADRID... Như vậy, tài sản trí tuệ là giá trị đỉnh cao của tri thức và công nghệ hay giá trị của tri thức và công nghệ đã được luật pháp bảo hộ và người tiêu dùng công nhận. Trong nhiều trường hợp, có một số tài sản trí tuệ mà cá nhân và doanh nghiệp không muốn đăng ký, nhưng vẫn được sử dụng một cách bảo mật tại doanh nghiệp và các tài sản này vẫn phát huy được tác dụng của chúng trong các năng lực công nghệ của doanh nghiệp.

**Bảng 1.1: Các năng lực công nghệ của một doanh nghiệp**

<b>1. Năng lực thị trường &amp; hình thức công nghệ</b>	<b>nh giá</b>
1. Nhà máy/ cơ sở kinh doanh đạt chuẩn quốc tế theo ngành	0-1-2-3-4-5-6-7
2. Số lượng, chất lượng, công suất các loại máy móc thiết bị	
3. Tính đồng bộ của máy móc thiết bị	
4. Mức độ tự động hoá của hệ thống công nghệ	
<b>2. Năng lực nhân lực &amp; cơ sở vật chất công nghệ</b>	<b>nh giá</b>
1. Năng lực nghiên cứu, dự báo, xây dựng chiến lược công nghệ	0-1-2-3-4-5-6-7
2. Năng lực thực hiện công tác R&D	
3. Năng lực thu xếp các vật tư đầu vào cần thiết cho sản xuất/ kinh doanh	
<b>3. Năng lực tiếp thị &amp; mua bán công nghệ</b>	<b>nh giá</b>
1. Năng lực xác định chính xác công nghệ cần tìm kiếm và mua bán	0-1-2-3-4-5-6-7
2. Năng lực xác định người bán/người mua công nghệ phù hợp	
3. Năng lực thực hiện tất cả các cơ chế phù hợp để mua/bán công nghệ	
4. Năng lực đàm phán các điều khoản có hiệu lực cho việc chuyển giao công nghệ	
<b>4. Năng lực vận hành công nghệ</b>	<b>nh giá</b>
1. Năng lực sử dụng có hiệu quả thiết bị công nghệ	0-1-2-3-4-5-6-7
2. Năng lực lập kế hoạch & kiểm soát các hoạt động sản xuất/ kinh doanh	
3. Năng lực thực hiện sửa chữa các hỏng hóc & bảo trì thiết bị công nghệ	
4. Năng lực chuyển đổi nhanh mục đích sử dụng thiết bị công nghệ	
<b>5. Năng lực sáng tạo công nghệ</b>	<b>nh giá</b>
1. Năng lực thiết kế ngược để bắt chước & cải tiến sản phẩm/dịch vụ	0-1-2-3-4-5-6-7
2. Năng lực sáng tạo ra sản phẩm mới/dịch vụ mới	
3. Năng lực thực hiện đổi mới quy trình sản xuất/ kinh doanh	
4. Năng lực đổi mới hệ thống công nghệ	

Nguồn: TS Hoàng Đình Phi. 2006.

Nhìn vào 5 nhóm tiêu chí và cách đánh giá các năng lực công nghệ của một doanh nghiệp ở bảng 1.1 trên đây, có thể khẳng định rằng các năng lực công nghệ được hình thành trên nền tảng phát triển của tri thức, công nghệ và tài sản trí tuệ của doanh nghiệp (DN). DN có thể đi vay được tiền vốn từ các ngân hàng trong hoặc ngoài nước nếu có tài sản thế

chấp, có thể tìm thuê được chuyên gia và công nhân tri thức mọi quốc tịch nếu có tiền, có thể mua được một số loại thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất... nhưng rất khó có thể mua được một hệ thống công nghệ tiên tiến kèm theo cả bí quyết, thiết kế có bản quyền, thương hiệu và tất cả các năng lực công nghệ liên quan từ nhóm 1 tới nhóm 5. Vì vậy, có thể khẳng định rằng, năng lực công nghệ đóng một vai trò rất quan trọng và về cơ bản các năng lực này quyết định khả năng cạnh tranh bền vững của một doanh nghiệp. Thực tế đã chứng minh rằng mặc dù chi rất nhiều tiền để đầu tư nhà xưởng, mua sắm thiết bị máy móc phần cứng, nhưng nhiều doanh nghiệp Việt Nam (DNVN) chuyên về dệt may, lắp ráp xe máy, tủ lạnh, tivi màn hình cong... vẫn bị phá sản hay phải dừng bước trước các đối thủ cạnh tranh đến từ châu Á bởi vì lý do chính là thiếu các năng lực sáng tạo công nghệ.

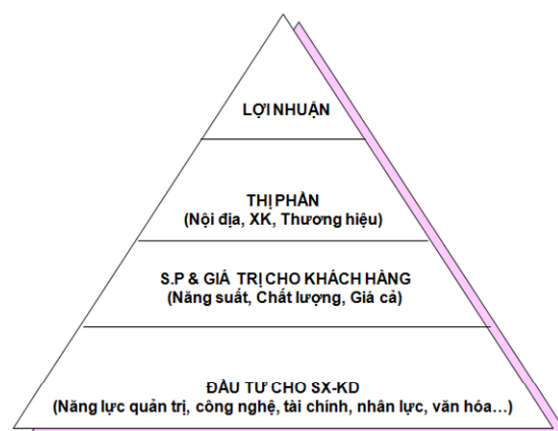
Từ các lý luận cơ bản trên đây và thực tiễn cạnh tranh bằng công nghệ trong thế kỷ XXI, vấn đề cần đặt ra là các doanh nghiệp của Hà Nội phải làm gì để tận dụng các lợi thế của Thủ đô để phát triển các nguồn lực tri thức, công nghệ và tài sản trí tuệ thành các năng lực công nghệ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, tiến tới duy trì khả năng cạnh tranh bền vững, tức là đảm bảo cho sản phẩm và thương hiệu của doanh nghiệp có thể tồn tại hàng trăm năm trên thị trường.

### ***1.2. Phát triển tri thức, công nghệ và tài sản trí tuệ thành các năng lực công nghệ cho doanh nghiệp Thủ đô Hà Nội***

Hà Nội đã thông qua chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn 2050 và xác định 5 chức năng hay 5 mục tiêu chiến lược cơ bản là: trung tâm chính trị - kinh tế của quốc gia; trung tâm văn hoá lớn; trung tâm khoa học, giáo dục, đào tạo hàng đầu; trung tâm kinh tế lớn của cả nước và trung tâm giao dịch quốc tế; đầu mối giao thông quan trọng quốc gia.

Để thực sự là trung tâm kinh tế và giao dịch quốc tế vào năm 2030, Hà Nội cần phải thực hiện đồng bộ nhiều chính sách thúc đẩy lực lượng doanh nghiệp của Thủ đô phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, tức là phải có khả năng cạnh tranh. Tính tới năm 2009, Hà Nội có khoảng 100.000 doanh nghiệp trên tổng số khoảng 400.000 doanh nghiệp của cả nước. Tuy nhiên khả năng cạnh tranh bằng năng lực công nghệ của các doanh nghiệp Hà Nội mới là vấn đề cần xem xét và quan tâm cao độ.

Hiện nay, Chính phủ, Bộ Khoa học - Công nghệ và các Bộ có liên quan đang cố gắng thực hiện “Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia” với các mục tiêu chính là: hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới công nghệ; đổi mới để nâng cao năng lực công nghệ của các DN trong một số ngành kinh tế trọng điểm và sản xuất các sản phẩm chủ lực; thúc đẩy phát triển năng lực công nghệ quốc gia... Để thực hiện thành công chương trình này, các nhà khoa học và nhà quản lý cần tìm ra cơ sở lý luận chặt chẽ và xây dựng được các bộ tiêu chí khoa học để làm căn cứ cho việc đánh giá, so sánh công nghệ, năng lực công nghệ đặt trong mối tương quan với khả năng cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp... Từ đó có thể xác định nhu cầu cần phải hỗ trợ cho đổi mới công nghệ của các DN tiêu biểu trong từng ngành kinh tế được phân loại theo Quyết định 10/2007/QĐ-TTg. Như vậy, đổi mới công nghệ có chung mục tiêu cơ bản nhất là phát triển các năng lực công nghệ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ nói riêng và khả năng cạnh tranh của DN nói chung.



Hình 1.2. Hình tháp khả năng cạnh tranh doanh nghiệp

Nguồn: TS Hoàng Đình Phi. 2006.

Khả năng cạnh tranh của một doanh nghiệp (3) thường được đánh giá, so sánh và xác định hàng năm qua 4 nhóm chỉ số. Nhóm thứ 1 bao gồm các năng lực cơ bản về: năng lực quản trị, năng lực công nghệ, nhân lực, tài chính, sản xuất, marketing, bán hàng, văn hoá... Nhóm thứ 2 là năng suất, chất lượng, giá cả và giá trị. Nhóm thứ 3 là thị phần. Nhóm thứ 4 là lợi nhuận.

Nếu các doanh nghiệp Hà Nội chỉ tập trung khai thác các lợi thế về đất đai, mối quan hệ, cơ chế, vốn ưu đãi, nhân lực sẵn có... để tìm kiếm lợi nhuận trong ngắn hạn hay trung hạn, mà không chú trọng tới việc đầu tư công sức để phát triển các năng lực cần thiết như năng lực công nghệ thì rất khó đảm bảo rằng trong tương lai Hà Nội sẽ có những thương hiệu hàng đầu Việt Nam và nổi tiếng trên thế giới. Nói tới Hà Nội hay kinh tế Hà Nội trong tương lai, chắc chắn mọi người sẽ nghĩ tới các tập đoàn, công ty và thương hiệu sản phẩm nổi tiếng, đại diện cho một số ngành kinh tế mũi nhọn mà Đảng và Nhà nước mong muốn phát triển như: nông nghiệp công nghệ cao; sinh học; cơ khí tự động hoá; thông tin và truyền thông; điện và điện tử; vật liệu mới; năng lượng...

Thể chế và môi trường kinh doanh của Hà Nội đang từng bước được hoàn thiện theo hướng hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển. Các doanh nghiệp đại diện cho các ngành kinh tế của Thủ đô dễ dàng tiếp cận với lượng thông tin khoa học và công nghệ phong phú từ các cấp chính quyền, các trường đại học hàng đầu, các doanh nghiệp khoa học công nghệ trong và ngoài nước... Nếu biết tổ chức học tập và tiếp thu các tri thức khoa học này để liên tục phát triển các nguồn lực tri thức, công nghệ và tài sản trí tuệ thành các năng lực công nghệ thì chắc chắn các doanh nghiệp sẽ có khả năng cạnh tranh lâu dài.

## 2. Đánh giá chung về khả năng cạnh tranh bằng năng lực công nghệ của DNVN và DN Thủ đô trong một số ngành kinh tế

Nếu đọc kỹ các số liệu thống kê về kinh tế và doanh nghiệp năm 2007 - 2008 - 2009 của Tổng cục Thống kê (4) có thể nhìn nhận ra rất nhiều vấn đề, trong đó phải khẳng định điều quan trọng đầu tiên là các tập đoàn và doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đang chi phối và dẫn dắt các nhóm ngành kinh tế, nhưng khả năng cạnh tranh bằng các năng lực công nghệ

lại không cao. Các nhóm năng lực công nghệ thể hiện chung cho khả năng tiếp thu, sử dụng và phát triển các nguồn lực tri thức, công nghệ và tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam là các tập đoàn và tổng công ty nhà nước, không có doanh nghiệp nào là thuộc cấp quản lý của Thủ đô. Với các ưu đãi đặc biệt mang tính chính trị và lịch sử trong việc sử dụng các nguồn lực quan trọng của đất nước như tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên số, nguồn vốn, độc quyền thị trường... đa số các DNNN đang chi phối các ngành kinh tế của Việt Nam, nhưng chủ yếu sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam lại dưới dạng tài nguyên thô và sản phẩm sơ chế. Các số liệu tài chính mà Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông báo về tình hình thua lỗ, đầu tư tràn lan và hiệu quả hoạt động thấp của nhiều tập đoàn kinh tế nhà nước đang gây ra lo ngại và băn khoăn cho cả nhà quản lý lẫn DN về cách thức tiến hành tái cấu trúc các tập đoàn. Các con số thống kê và tài chính nói lên nhiều điều nhưng chắc chắn không đủ để đánh giá các năng lực công nghệ và khả năng cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp trong các ngành kinh tế. Có doanh nghiệp được xếp hạng trong Top 10, 20 hay 500 của Việt Nam trong năm 2009, nhưng sang 2010 đã nằm trong diện phá sản và phải tái cấu trúc. Điều này phản ánh một thực trạng chung là các DNVN đang chủ yếu cạnh tranh bằng các lợi thế và nguồn lực sẵn có như: cơ chế ưu đãi, vốn, đất đai rẻ, lao động rẻ, khai thác tài nguyên... mà chưa có điều kiện để phát triển các năng lực khác để cạnh tranh như: năng lực quản trị, năng lực nhân lực, năng lực công nghệ...

Số doanh nghiệp của Hà Nội chiếm khoảng 25% tổng số doanh nghiệp của cả nước. Nhưng qua nhiều báo cáo khảo sát và nhận xét của các chuyên gia thì đa số các doanh nghiệp đều có năng lực công nghệ và khả năng cạnh tranh ở mức thấp và trung bình. Chỉ tính riêng các doanh nghiệp ngành công nghiệp hỗ trợ đã "thiếu và đúng hơn là chưa có gì về 4 yếu tố: tiền, công nghệ, nhân lực và hệ thống phân phối" (5). Bảng 2.1 tổng hợp kết quả điều tra trực diện 300 doanh nghiệp trong 6 nhóm ngành kinh tế. Trong số 300 doanh nghiệp được khảo sát thì các doanh nghiệp của Hà Nội chiếm khoảng 30%. Cùng với các đề tài nghiên cứu khác về hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, các kết quả này có thể được sử dụng để đánh giá chung về năng lực công nghệ của đa số các doanh nghiệp Hà Nội trong các nhóm ngành kinh tế được khảo sát. Có thể suy tính rằng do khủng hoảng kinh tế và tài chính, đa số các doanh nghiệp không có điều kiện tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ và phát triển năng lực công nghệ trong các năm 2007 - 2008 - 2009.

**Bảng 2.1: Năng lực công nghệ của DN các ngành qua kết quả điều tra**

	Ngành	Kết quả (%)		
		Thấp	Trung bình	Cao
1	Cơ khí chế tạo	10,89	58,11	31,00
2	Điện và điện tử	9,10	60,34	30,57
3	Đồ gỗ	14,70	59,16	26,14
4	Dược phẩm	13,49	52,64	33,88
5	Thực phẩm	18,95	51,27	29,78
6	Du lịch	25,65	58,70	15,66

Nguồn: Báo cáo điều tra DN 2006. H.Đ.Phi. Dự báo không thay đổi nhiều trong 2007 - 2009

Xem xét năng lực công nghệ của các DN trong bảng 2.1 có thể thấy đa số các DN đại diện cho các ngành kinh tế của Việt Nam và Hà Nội đều có năng lực công nghệ ở mức trung bình và kém so với các đối thủ ở khu vực và trên thế giới. Nếu dành thêm thời gian, sử dụng các công cụ đánh giá năng lực công nghệ và khả năng cạnh tranh và điền các thông tin cơ bản vào thì chắc chắn có thể xác định rằng khả năng cạnh tranh của đa số DNVN theo các nhóm ngành kinh tế khác cũng đang ở mức độ kém và trung bình. Như vậy đa số các nhóm DN này cũng cần phải tái cấu trúc nhanh và con đường khôn khéo nhất là tiến hành các cuộc cách mạng về quản trị và công nghệ để nâng cao năng lực công nghệ, tạo cơ sở vững chắc cho việc cạnh tranh lâu dài theo các chuỗi giá trị toàn cầu.

### **3. Một số giải pháp để các DN Thủ đô có thể cạnh tranh tốt hơn bằng các năng lực công nghệ**

#### ***3.1. Thay đổi tư duy quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh theo định hướng cạnh tranh bằng tri thức và các năng lực công nghệ***

Ai cũng biết “tài chính, nhân lực và công nghệ” là ba nguồn lực hay ba yếu tố quan trọng nhất, quyết định mức độ thành công trong quá trình phát triển kinh tế của mỗi quốc gia và mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, bên cạnh các năng lực sẵn có như: khai thác tài nguyên thiên nhiên, gia công lắp ráp thuê cho nước ngoài, marketing cho sản phẩm nhập khẩu... các DN phải phát triển đồng thời các năng lực tài chính, nhân lực và công nghệ. Muốn thay đổi tư duy và phát triển năng lực công nghệ thì cần phải bắt đầu từ giáo dục, từ học tập và nghiên cứu khoa học. Nhưng cho đến nay bộ môn quản trị công nghệ mới được triển khai giảng dạy ở 1 - 2 trường đại học của Việt Nam ở dạng môn học lựa chọn. Chính vì vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các trường đại học nên đưa môn học này trở thành môn học bắt buộc trong các chương trình đào tạo cử nhân và cao học khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh. Ở phạm vi rộng hơn, các sinh viên khối ngành kỹ thuật cũng nên được học môn này để khi tác nghiệp, các tân kỹ sư sẽ biết cách phát triển ý tưởng, thiết kế, công nghệ theo mục tiêu sáng tạo sản phẩm mới và dịch vụ mới có khả năng cạnh tranh quốc tế.

Để thay đổi nhanh tư duy và hành động phát triển kinh tế nói chung và kinh doanh nói riêng, cần phải có một đơn vị khoa học của một viện hay một trường đại học hàng đầu của Việt Nam biên soạn các tài liệu ngắn gọn về lý luận và thực tiễn phát triển các nhóm năng lực để cạnh tranh phát triển kinh tế ở cả cấp độ doanh nghiệp, cấp độ ngành kinh tế và cấp độ quốc gia trong thế kỷ XXI, trong đó có nhấn mạnh tới các nguồn lực và năng lực không bao giờ cạn, đó là: tri thức, công nghệ và tài sản trí tuệ. Đặc biệt, Hà Nội có rất nhiều lợi thế để cho các doanh nghiệp tận dụng và phát triển các nguồn lực tri thức, công nghệ và tài sản trí tuệ thành các năng lực công nghệ như đã trình bày trong phần 1.

Ngoài sách vở và báo chí thông tin tuyên truyền, các hội thảo... cần phải tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn về các chuyên đề trên cho cán bộ quản lý kinh tế các cấp và các nhà quản trị doanh nghiệp của Hà Nội. Bên cạnh đó, vì lợi ích lâu dài của Thủ đô và quốc gia, các trường đại học hàng đầu của Thủ đô như Đại học Quốc gia Hà Nội cần phải đi tiên phong trong việc nghiên cứu, thiết kế, sáng tạo các chương trình đào tạo mới về quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh, quản trị công nghệ... để cung cấp các tri thức khoa học mới có tính liên ngành, giúp cho các tân cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ có năng lực sáng tạo trong thực tiễn, biết lãnh đạo những “nông dân tri thức”, “công nhân tri thức” và “công dân tri thức” thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đưa Thủ đô và đất nước tiến tới phồn vinh và hạnh phúc.

### ***3.2. Hoạch định và thực thi chiến lược phát triển các ngành kinh tế dựa vào tri thức và năng lực công nghệ***

Hàn Quốc có Bộ Kinh tế Tri thức với sứ mệnh thúc đẩy năng lực khoa học và năng lực công nghệ của DN và quốc gia, góp phần phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn là: năng lượng, công nghiệp và thương mại. Việt Nam và Hà Nội cũng có các Nghị quyết, Quyết định, Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp... nhưng trên thực tế hiệu quả còn nhiều hạn chế. Việt Nam và Hà Nội chưa thực sự có các nhóm doanh nghiệp tiêu biểu, có khả năng cạnh tranh quốc tế bằng năng lực công nghệ. Việc đầu tư cho Khu nông nghiệp công nghệ cao ở huyện Từ Liêm của Hà Nội đã thất bại là một ví dụ. Có hàng nghìn lý do khách quan và chủ quan để giải thích cho thực trạng yếu kém về năng lực công nghệ nói riêng và khả năng cạnh tranh nói chung của các DNVN và DN Hà Nội. Song vẫn cần thiết phải tìm ra con đường mới để phát triển các sản phẩm vừa đáp ứng được nhu cầu của người dân Thủ đô, lại vừa có khả năng cạnh tranh quốc tế.

Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học... của cả nước, nơi quy tụ hàng nghìn nhà khoa học, công nghệ, quản lý và doanh nhân có trình độ cao, Hà Nội cần nghiên cứu, hoạch định và thực thi nghiêm túc một chiến lược phát triển các ngành kinh tế dựa vào tri thức và năng lực công nghệ với các tiêu chí đầu vào (input), quy trình (process) và đầu ra (output) cụ thể cho từng nhóm sản phẩm. Ví dụ: Đối với ngành thông tin và truyền thông thì cần phát triển các phần mềm quản lý hành chính kết nối các xã, huyện, sở, ngành... theo mô hình chính phủ điện tử. Sau đó chủ động đặt hàng hay tổ chức đấu thầu với tiêu chí ưu tiên các DN có năng lực công nghệ của Hà Nội tham gia; Đối với ngành kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản thì ưu tiên hỗ trợ các DN phát triển các giống cây trồng mới, các sản phẩm nông sản, thực phẩm sạch được sản xuất và chế biến theo công nghệ cao, áp dụng công nghệ sinh học...

### ***3.3. Phát triển các khu đô thị đại học và tri thức để tạo nguồn tri thức khoa học và công nghệ***

Mặc dù có nhiều trường đại học và các viện nghiên cứu đóng trên địa bàn, nhưng cho đến nay Hà Nội chưa có một khu đô thị đại học hay tri thức nào có thể so sánh ở mức độ khiêm tốn, bằng 1/10 về số lượng và chất lượng so với các "làng tri thức" ở Thái Lan. Với truyền thống và trí tuệ phát triển hàng nghìn năm, Hà Nội có quyền hi vọng phát triển được một nền kinh tế dựa vào tri thức như thủ đô của các nước khác trên thế giới.

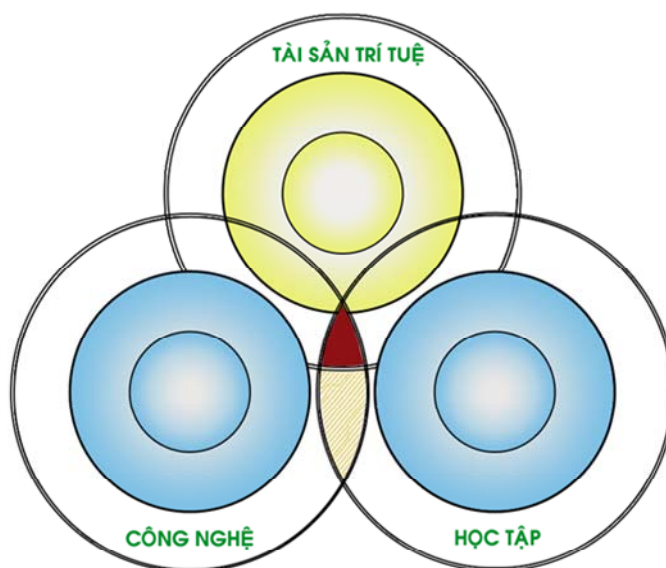
Nếu được xây dựng đúng tiến độ thì cho đến hôm nay Hà Nội đã có một Khu đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội ở Hoà Lạc sánh ngang tầm khu vực. Tiếc rằng, vì nhiều lý do mà cho tới nay tiến độ xây dựng đã chậm tới 10 năm. Vì vậy, Hà Nội cần đặc biệt quan tâm, phân công lãnh đạo theo dõi và có cơ chế hỗ trợ quyết liệt để giúp Đại học Quốc gia Hà Nội hoàn thành các chiến lược và các kế hoạch phát triển đã được Bộ Chính trị và Chính phủ thông qua.

### ***3.4. Doanh nghiệp Hà Nội cần có chiến lược phát triển các năng lực công nghệ để nâng cao khả năng cạnh tranh***

Theo nhiều báo cáo khảo sát của các bộ và nghiên cứu độc lập của các chuyên gia, đa số các DNVN không hoạch định và thực thi chiến lược phát triển công nghệ, có thể do thiếu nhân lực quản trị có trình độ và thiếu thông tin về tri thức mới, công nghệ mới...



Có nhiều cách để cạnh tranh, nhưng bền vững nhất là cạnh tranh phát triển các sản phẩm và dịch vụ có thương hiệu trên nền tảng của các năng lực công nghệ. Cách này giúp cho DN chủ động cuộc chơi lâu dài trên thương trường và có của hồi môn cho con cháu mai sau là các thương hiệu sản phẩm trường tồn. Vì vậy, muốn có khả năng cạnh tranh bền vững, DN Hà Nội cần bắt đầu từ một chiến lược kinh doanh đi kèm với chiến lược phát triển các năng lực công nghệ, hay còn gọi là chiến lược công nghệ.



Hình 3.1: Mô hình nguyên lý mối quan hệ giữa học tập, công nghệ và tài sản trí tuệ

Nguồn: H.Đ.Phi 2006

Có thể một số DN cho rằng chỉ cần thành phố Hà Nội hỗ trợ tiền là có thể đi mua được công nghệ cao, rồi về xây nhà máy để sản xuất ra các loại đồ uống như Coca Cola, Sake, Sochu... Thực tiễn chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong nhiều thập kỷ qua đã trả lời là không thể mua được công nghệ cao từ các đối thủ hay thị trường cạnh tranh. Không có DN nào đang làm ăn có lãi mà lại muốn bán đi bí quyết, thiết kế, công thức... hay nói cách khác là bán đi một niềm tự hào của dân tộc mình.

Không mua được nhưng chắc chắn là có thể học tập và sáng tạo được công nghệ. Vì vậy, tùy theo chiến lược kinh doanh dài hạn, các DN Hà Nội nên chủ động hợp tác với các trường đại học, các viện nghiên cứu... để tổ chức học tập, nghiên cứu, thử nghiệm và phát triển các công nghệ và theo đó là các năng lực công nghệ cần thiết.

Hình 3.1 thể hiện mối quan hệ tương tác giữa học tập (để có tri thức) với công nghệ và tài sản trí tuệ. Không phải tri thức nào cũng trở thành công nghệ, mà chỉ có những tri thức mới hoặc tri thức cũ được kết hợp sử dụng theo một cách mới thì mới có thể tạo ra những thiết kế mới, sản phẩm mới, hay quy trình sản xuất và kinh doanh mới. Khi đã có công nghệ mới kết tinh trong thiết kế hay nhãn hiệu hàng hoá, thì DN phải đăng ký ngay để được pháp luật bảo hộ thành tài sản trí tuệ, thứ tài sản có thể giúp cho DN có khả năng cạnh tranh nổi trội so với các đối thủ cùng loại trên cùng một sân chơi.

Hà Nội, kinh tế Hà Nội và các DN Hà Nội đang đứng trước những cơ hội và thách thức của một giai đoạn phát triển mới với xu thế tất yếu của quá trình hội nhập, hợp tác và cạnh tranh quốc tế. Các nguồn lực dựa vào thiên nhiên sẽ cạn dần. Chỉ có nguồn lực trí thức, công nghệ và tài sản trí tuệ do con người tự học tập và sáng tạo ra là phát triển mãi mãi. Vì vậy, các DN Hà Nội cần tận dụng triệt để các lợi thế và ưu đãi của Thủ đô để phát triển nhanh các năng lực công nghệ và khả năng cạnh tranh.

Hy vọng rằng các học giả, các nhà quản lý và các doanh nghiệp của Việt Nam nói chung và của Thủ đô Hà Nội nói riêng sẽ tiếp tục nghiên cứu để tìm ra những cách thức mới để phát triển các năng lực mới từ nền tảng tri thức nhằm duy trì khả năng cạnh tranh bền vững ở cả cấp độ sản phẩm, cấp độ doanh nghiệp, cấp độ ngành kinh tế và cấp độ quốc gia.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 WEF. *Report on Global Competitiveness Index*. 2009 - 2010.
- 2 GS. Kenichi Ohno. *Hội thảo "Mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam"*. UBKT Quốc hội. 6/2010.
- 3 TS. Hoàng Đình Phi. *"Học tập và sáng tạo công nghệ"*. NXB Giáo dục Việt Nam. 2009.
- 4 Tổng cục Thống kê Trung ương. *Báo cáo thống kê 2007 - 2008 - 2009*.
- 5 JETRO. PGS. TS. Phan Đăng Tuất, Viện trưởng Viện nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công nghiệp, Bộ Công Thương. *Tài liệu hội thảo "Chính sách công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ - Kinh nghiệm của Nhật Bản và những vấn đề của Việt Nam"*. Hà Nội 7/2010.